

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2019

V/v: “ Không công nhận quan hệ
vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhưường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm 1979(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C – C S– Lục Ngạn – Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V - Sinh năm 1981

Địa chỉ: L – G S – Lục Ngạn – Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2019 và những lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L, lời khai của bị đơn chị Nguyễn Thị V, quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị V về chung sống cùng nhau vào tháng 11 năm 1998. Trước khi kết hôn anh L, chị V có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Từ khi kết hôn đến nay anh L, chị V chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới anh L, chị V về chung sống cùng nhau ngay và ở tại thôn C - C S - Lục Ngạn - Bắc Giang. Anh L, chị V đều xác định cuộc sống chung giữa hai bên hạnh phúc được khoảng một thời gian. Từ năm 2006 cuộc sống giữa anh L và chị V phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị thường xuyên cãi nhau không bao ban được việc làm ăn kinh tế gia đình

khuyến tình cảm rạn nứt không có hạnh phúc. Cũng từ năm 2006 đến nay anh L và chị V sống ly thân mỗi người một nơi không còn ai quan tâm tới ai. Đến nay anh L, chị V đều xác định không còn tình cảm với nhau, anh L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị V, chị V nhất trí ly hôn với anh L.

Về con chung anh L, chị V đều xác định vợ chồng có hai con chung là: Cháu Nguyễn Thị L - sinh ngày 17/01/2000. Hiện cháu đã đi lấy chồng và cháu Nguyễn Thị P - sinh ngày 05/9/2002. Khi ly hôn do cháu Nguyễn Thị L đã trưởng thành có gia đình riêng nên anh L, chị V không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Thị P hiện đang ở với anh L, xin nuôi dưỡng cháu P, chị V đồng ý; Cháu P cũng có nguyện vọng xin được ở với anh L. Anh L, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh L, chị V tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa anh Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị V. Về con chung anh xin nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị P - sinh ngày 05/9/2002, anh không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị V vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của chị V, cháu P có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị V là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị P - sinh ngày 05/9/2002. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005587 ngày 18/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Nguyễn Thị V. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị V theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị V tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh L, chị V không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Do trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau. Anh L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị V. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 luật hôn nhân và gia đình, cần không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị V là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh L, chị V đều xác định có hai con chung là: Cháu Nguyễn Thị L - sinh ngày 17/01/2000, hiện cháu đã đi lấy chồng; Cháu Nguyễn Thị P - sinh ngày 05/9/2002. Cháu Nguyễn Thị L đã trưởng thành anh L, chị V không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Cháu Nguyễn Thị P còn nhỏ khi ly hôn anh L có nguyện vọng nuôi dưỡng, chị V đồng ý, cháu P cũng có nguyện vọng xin được ở với anh L. Anh L, chị V không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Do vậy cần giao cháu P cho anh L nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với Điều 81 luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu P. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét vì các đương sự không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

** Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L: Không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị V là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị P - sinh ngày 05/9/2002. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, vì các đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị V thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005587 ngày 18/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có lý do chính đáng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Thế